BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
23-10-2026 09:18:16 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
*
Số 495-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Chương trình cải cách hành chính trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIV;

- Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về đổi mới, nâng cao hiệu lực công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng;

- Căn cứ Kết luận số 76-KL/TW, ngày 28/7/2026 của Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp;

- Căn cứ Kết luận số 43-KL/TW, ngày 04/6/2026 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 34-KL/TW về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị khoá XIII về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Quyết định số 486-QĐ/TW, ngày 15/9/2026 của Bộ Chính trị khoá XIV về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Văn phòng Trung ương Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

- Căn cứ Quy định số 338-QĐ/TW, ngày 09/7/2025 của Ban Bí thư về thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử;

- Căn cứ Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 487-QĐ/TW, ngày 29/9/2026 của Ban Bí thư ban hành Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, phiên bản 1.0;

- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng.

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình cải cách hành chính trong các cơ quan đảng giai đoạn 2026 - 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Giao Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng chỉ đạo thống nhất việc thực hiện Chương trình. Văn phòng Trung ương Đảng là Cơ quan Thường trực của Chương trình, có nhiệm vụ tham mưu, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo việc triển khai thực hiện Chương trình này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các cơ quan đảng ở Trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Cẩm Tú

Nơi nhận:
- Các đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các cơ quan đảng ở Trung ương;
- Các đơn vị sự nghiệp của Đảng ở Trung ương;
- Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;
- Đảng uỷ các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ;
- Cục Chuyển đổi số - Cơ yếu;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 495-QĐ/TW, ngày 20/10/2026 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)

I- QUAN ĐIỂM

1. Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng là nội dung quan trọng của đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; gắn với tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh trọng tâm từ sắp xếp tổ chức bộ máy sang nâng cao chất lượng vận hành, phối hợp và tổ chức thực hiện; góp phần nâng cao chất lượng tham mưu chiến lược, rút ngắn thời gian cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

2. Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng phải gắn với đổi mới tư duy, lề lối làm việc, phương thức quản trị hiện đại trên cơ sở đẩy mạnh chuyển đổi số; phòng, chống lãng phí, kiên quyết chống bệnh hình thức. Cải cách hành chính giữ vai trò dẫn dắt, công nghệ số là phương tiện; các nhiệm vụ về hạ tầng, nền tảng, kỹ thuật số được thực hiện thống nhất với Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, không trùng lặp nhiệm vụ và nguồn lực.

3. Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng không làm thay đổi nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thẩm quyền của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc theo Điều lệ Đảng và quy định của Trung ương; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn; lấy chất lượng tham mưu, kết quả thực hiện nhiệm vụ, hiệu quả phối hợp, tiến độ xử lý công việc, mức giảm gánh nặng hành chính và sự hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên, người dân làm thước đo.

4. Cải cách hành chính trong các cơ quan đảng bảo đảm liên thông, đồng bộ với cải cách hành chính nhà nước và cải cách hành chính trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Các cơ quan đảng gương mẫu, đi đầu, tạo sức lan toả trong toàn hệ thống chính trị.

II- MỤC TIÊU CHUNG

1. Xây dựng nền hành chính trong các cơ quan đảng hiện đại, chuyên nghiệp, tinh gọn, kỷ luật, kỷ cương, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; vận hành thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến cơ sở.

2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm; nâng cao chất lượng phối hợp và quản lý công việc theo mục tiêu, tiến độ, kết quả, chất lượng sản phẩm; sử dụng dữ liệu tin cậy phục vụ tham mưu, quyết định; đề cao trách nhiệm giải trình của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu.

3. Bảo đảm tuyệt đối an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật của Đảng.

4. Lộ trình:

- *Giai đoạn 2026 - 2027:* Tập trung hoàn thiện thể chế, quy định, quy chế và cơ chế phối hợp; rà soát, đơn giản hoá, chuẩn hoá quy trình, thủ tục, chế độ thông tin, báo cáo và dữ liệu; xây dựng bộ chỉ số đánh giá kết quả cải cách hành chính trong các cơ quan đảng và xác lập số liệu kỳ gốc; đạt các chỉ tiêu cơ bản tại các cơ quan đảng ở Trung ương và cấp tỉnh; thiết lập đồng bộ các điều kiện nền tảng; thí điểm ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ hoạt động công vụ.

- *Giai đoạn 2028 - 2029:* Mở rộng đồng bộ đến cấp xã các nghiệp vụ, ứng dụng trên cơ sở hạ tầng, điều kiện nền tảng đã hình thành; mở rộng xử lý công việc, thông tin, báo cáo, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát trên môi trường số; tăng cường kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu; ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát vào các nhóm công việc ưu tiên, bảo đảm an toàn, hiệu quả, cắt giảm gánh nặng hành chính.

- *Đến năm 2030:* Cơ bản hình thành mô hình quản trị số trong các cơ quan đảng; hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tham mưu, tổng hợp, kiểm tra, giám sát được thực hiện chủ yếu trên môi trường số, bảo đảm đo lường được kết quả và xác định rõ trách nhiệm; từng bước hình thành văn hoá làm việc số.

III- MỤC TIÊU CỤ THỂ VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Chương trình tập trung vào 8 nội dung trọng tâm: Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; hoàn thiện thể chế; cải cách tổ chức bộ máy; đổi mới quản lý, đánh giá cán bộ, công chức và nâng cao năng lực số; cải cách thủ tục hành chính trong Đảng; xây dựng nền hành chính số; đổi mới quản lý tài chính, tài sản của Đảng; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

1. Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành

a) Mục tiêu

Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, sát thực tiễn; chuyển từ điều hành chủ yếu dựa trên văn bản, báo cáo giấy sang điều hành có sự hỗ trợ của dữ liệu tin cậy, kịp thời. Cụ thể:

- Hằng năm: Tinh giản tối thiểu 10% số lượng hội nghị, 15% số lượng văn bản hành chính so với năm trước; hội nghị trực tiếp không quá 40%, trực tuyến không ít hơn 60%; cấp tỉnh tổ chức không quá 2 hội nghị quy mô toàn tỉnh, cấp xã không quá 3 hội nghị quy mô toàn xã[1]; thành phần, số lượng đại biểu, thời gian tổ chức, phát biểu khai mạc, kết luận hội nghị thực hiện theo Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

- Đến hết năm 2027:

+ Tối thiểu 90% nhiệm vụ trong các chương trình, kế hoạch công tác hoàn thành đúng hạn.

+ Tối thiểu 90% biểu mẫu báo cáo được rà soát, điện tử hoá.

+ Tối thiểu 90% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đo lường và đánh giá gắn với bộ chỉ số đánh giá kết quả (KPI/OKR[2],...); điều tra độc lập mức độ hài lòng của tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và qua các kênh nắm dư luận xã hội.

- Đến hết năm 2028:

+ Tối thiểu 95% nhiệm vụ trong các chương trình, kế hoạch công tác hoàn thành đúng hạn.

+ Tối thiểu 95% biểu mẫu báo cáo được rà soát, điện tử hoá.

+ Tối thiểu 95% nhiệm vụ được theo dõi, giám sát, đo lường và đánh giá gắn với bộ chỉ số đánh giá kết quả (KPI/OKR,...).

- Đến năm 2030: Vận hành đồng bộ các hệ thống thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu; tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; giảm tối đa việc sử dụng giấy tờ.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Phát huy trách nhiệm, vai trò nêu gương của người đứng đầu trong trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính; đưa mục tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, gắn với đánh giá trách nhiệm của cá nhân, cơ quan, đơn vị; chuẩn hoá cơ chế giao việc theo phương châm "sáu rõ"; theo dõi, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ trên môi trường số.

- Hoàn thiện cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành liên thông từ Trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã; phát huy tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cấp uỷ cơ sở; kiên quyết khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại, né tránh, đùn đẩy

---

[1] Các trường hợp ngoại lệ thực hiện theo Kết luận số 226-KL/TW, ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư.

[2] KPI (Key Performance Indicator): Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công việc; OKR (Objectives and Key Results): Mục tiêu và kết quả then chốt.

trách nhiệm lên cấp trên; lấy việc báo cáo, xin ý kiến không đúng thẩm quyền làm căn cứ đánh giá thi đua và xem xét trách nhiệm; kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn vận hành mô hình mới ở cơ sở.

- Đổi mới chế độ hội họp; cắt giảm khâu trung gian, trùng lặp, tinh giản chế độ thông tin, báo cáo; tăng cường phối hợp giữa các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Hoàn thiện thể chế

a) Mục tiêu

Tổng rà soát văn bản của Đảng; sửa đổi, bổ sung, hợp nhất và chuẩn hoá thể chế, quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn của Đảng, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, yêu cầu chuyển đổi số và phương thức làm việc trên môi trường số. Cụ thể:

- Đến hết năm 2027:

+ 80% văn bản hết hiệu lực, hết thời hạn, trùng lặp, chồng chéo, không còn phù hợp được xử lý dứt điểm (bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, hợp nhất) theo thẩm quyền.

+ 80% văn bản còn hiệu lực được định danh thống nhất, số hoá, cập nhật vào cơ sở dữ liệu dùng chung.

+ Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu Văn kiện của Đảng.

- Đến hết năm 2028: Các chỉ tiêu định lượng nêu trên đạt 100%[3].

- Đến hết năm 2029: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu Văn kiện của Đảng, cập nhật thường xuyên.

- Đến năm 2030: Hệ thống quy định của Đảng được hoàn thiện đồng bộ, vận hành hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục cụ thể hoá các nghị quyết, kết luận, quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bằng quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn của Đảng.

- Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản của Đảng theo hướng ngắn gọn, rõ ràng, khả thi, có tính dự báo. Không ban hành văn bản sao chép nội dung văn bản cấp trên; văn bản cấp dưới phải cụ thể hoá thành nhiệm vụ có đầu mối,

---

[3] Nghị quyết, quy định thuộc thẩm quyền ban hành của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Ban Bí thư, các văn bản của ban đảng Trung ương, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

thời hạn, nguồn lực; văn bản mới phải xác định rõ nội dung được thay thế, bãi bỏ hoặc điều chỉnh. Nghiên cứu hệ thống hoá quy định theo từng lĩnh vực, tiến tới pháp điển hoá.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá việc thực hiện văn bản của Đảng trên cơ sở dữ liệu thực thi và phản ánh của cơ sở; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh, gắn với hoàn thiện thể chế.

- Nâng cao chất lượng tham mưu bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với công tác xây dựng pháp luật; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ trong tham mưu, ban hành văn bản của Đảng.

- Rà soát, thống kê, phân loại[4], lập danh mục và thực hiện phương án xử lý văn bản, quy định, quy chế, quy trình, hướng dẫn do cơ quan ban hành hoặc chủ trì tham mưu ban hành; ưu tiên các quy định về thẩm quyền, quan hệ công tác, phân cấp, phối hợp, hồ sơ, thời hạn và trách nhiệm giải quyết công việc.

- Định danh, số hoá văn bản, lưu trữ trong cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở; dự thảo văn bản phải được đối chiếu với cơ sở dữ liệu trước khi ban hành để tránh trùng lặp, mâu thuẫn; từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hỗ trợ phát hiện văn bản trùng lặp, chồng chéo, hết hiệu lực.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Mục tiêu

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan, cơ sở đảng theo hướng tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, không chồng chéo, không bỏ sót nhiệm vụ; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Cụ thể:

- Đến hết năm 2027:

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và phương thức quản trị của các cơ quan, đơn vị; khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

+ Hoàn thành rà soát, thu gọn cơ cấu tổ chức trong các cơ quan đảng.

- Đến năm 2030: Tiếp tục hoàn thiện, duy trì ổn định tổ chức bộ máy các cơ quan đảng.

---

[4] Rà soát, phân loại văn bản theo tình trạng: Còn hiệu lực; hết hiệu lực, trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn; không còn phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy mới và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Rà soát phân cấp, phân quyền gắn với năng lực thực thi và điều kiện bảo đảm; xác định rõ trách nhiệm của cấp giao nhiệm vụ trong hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ cấp dưới; giao việc khó, việc mới, điểm nghẽn cho cán bộ có năng lực, bản lĩnh, đồng thời bảo đảm thẩm quyền, nhân lực, thời gian và nguồn lực để chủ động thực hiện.

- Đối với lĩnh vực liên ngành, giao thoa, thực hiện nguyên tắc: Một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì, một đầu mối chịu trách nhiệm chính, một nguồn dữ liệu dùng chung, một quy trình phối hợp liên thông và một cơ chế kiểm tra, giám sát. Đầu mối chủ trì theo dõi công việc từ khi tiếp nhận đến khi có kết quả và chịu trách nhiệm về kết quả cuối cùng; cơ quan phối hợp trả lời, xử lý đúng thời hạn; không coi việc chuyển hồ sơ sang cơ quan khác là hoàn thành nhiệm vụ.

- Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin, kế hoạch kiểm tra, giám sát, thanh tra; xác định đầu mối điều phối và quy trình xử lý các trường hợp vượt thẩm quyền.

- Định kỳ đánh giá hiệu lực, hiệu quả mô hình tổ chức và tác động của phân cấp, phân quyền để kịp thời điều chỉnh.

4. Đổi mới quản lý, đánh giá cán bộ, công chức và nâng cao năng lực số

a) Mục tiêu

Đổi mới quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, năng lực và kết quả thực hiện nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ chuyên nghiệp, kỷ luật, có năng lực số, năng lực dữ liệu; từng bước đưa năng lực số thành tiêu chí bắt buộc trong tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Cụ thể:

- Đến hết năm 2027:

+ Ban hành tiêu chí về năng lực số đối với cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan đảng bảo đảm phù hợp với khung năng lực vị trí việc làm quy định tại Khoản 1 Mục III Hướng dẫn số 06-HD/BTCTW, ngày 11/10/2026 của Ban Tổ chức Trung ương.

+ Hoàn thành chuẩn hoá danh mục vị trí việc làm, bản mô tả công việc, sản phẩm đầu ra, trách nhiệm, quan hệ phối hợp và chỉ số đánh giá theo từng vị trí.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng được đánh giá, xếp loại dựa trên kết quả, sản phẩm theo vị trí việc làm; việc đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đảng viên thực hiện theo quy định của Đảng.

+ 95% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng được tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

+ 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.

+ Thí điểm việc đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức gắn với bộ chỉ số đánh giá kết quả (KPI/OKR,...) trên môi trường điện tử; tổng kết, đánh giá, triển khai toàn quốc.

- Đến hết năm 2028: Tối thiểu 80% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng đạt yêu cầu theo các tiêu chí về năng lực số.

- Đến hết năm 2030: Tối thiểu 95% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan đảng đạt yêu cầu theo các tiêu chí về năng lực số.

- Hằng năm, từ năm 2028 đến năm 2030: Rà soát, đề xuất tinh giản biên chế phù hợp với mức độ số hoá, tự động hoá quy trình, nhiệm vụ, trên cơ sở khối lượng, chất lượng công việc sau khi quy trình mới vận hành ổn định.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Đổi mới đánh giá, xếp loại theo hướng thực chất; gắn kết quả của người đứng đầu, lãnh đạo phụ trách với kết quả của tập thể, sản phẩm đầu ra, tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ và kỷ luật dữ liệu trên hệ thống; kết hợp kết quả định lượng với đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, chất lượng tham mưu theo quy định.

- Đổi mới quản lý biên chế theo hướng quản trị bằng dữ liệu, lượng hoá công việc, đo lường hiệu quả thực thi; giao chỉ tiêu biên chế linh hoạt, không cào bằng, phù hợp với khối lượng công việc.

- Cụ thể hoá cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; phân định rõ rủi ro, sai sót do nguyên nhân khách quan hoặc pháp luật, quy định chưa đầy đủ, đồng bộ với hành vi cố ý vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước vì vụ lợi, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ.

- Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và nhu cầu thực tế, nhất là kỹ năng số, quản trị dữ liệu, sử dụng trí tuệ nhân tạo; tăng thực hành, học trực tuyến, đánh giá sau đào tạo và hỗ trợ thường xuyên cho cấp cơ sở.

- Xây dựng văn hoá, đạo đức công vụ trong các cơ quan đảng gắn với văn hoá làm việc số; đề cao trách nhiệm cập nhật, chia sẻ, khai thác dữ liệu và đổi mới sáng tạo.

5. Cải cách thủ tục hành chính trong Đảng

a) Mục tiêu

Tổng rà soát, tái cấu trúc, đơn giản hoá và chuẩn hoá thủ tục hành chính trong Đảng, thủ tục nội bộ, quy trình công tác, chế độ báo cáo, hội họp, văn thư, lưu trữ; cắt giảm thành phần hồ sơ, bước trung gian không cần thiết và chi phí tuân thủ. Cụ thể:

- Năm 2026: Vận hành ổn định 4 thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử[5]; xác định các thủ tục đủ điều kiện để tiếp tục triển khai.

- Đến hết năm 2027:

+ 100% thủ tục hành chính của Đảng đủ điều kiện toàn trình được cung cấp trên môi trường điện tử.

+ Mức độ hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đạt tối thiểu 90%.

- Đến hết năm 2029:

+ Giảm tối thiểu 30% thời gian xử lý bình quân và chi phí tuân thủ đối với quy trình nghiệp vụ cốt lõi, thủ tục hành chính.

+ Mức độ hài lòng của tổ chức đảng, đảng viên đối với việc giải quyết thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử đạt tối thiểu 95%.

+ Thí điểm, đánh giá và triển khai toàn quốc mô hình "một cửa" số thực hiện thủ tục hành chính của Đảng (thống nhất điểm tiếp nhận, theo dõi, hướng dẫn và trả kết quả; việc giải quyết theo chức năng, thẩm quyền); có hình thức hỗ trợ phù hợp đối với đảng viên cao tuổi, ở vùng sâu, vùng xa và người hạn chế về điều kiện tiếp cận công nghệ.

- Đến năm 2030: Các thủ tục hành chính đủ điều kiện được quản lý, theo dõi, đánh giá trên hệ thống; giảm rõ rệt thời gian xử lý, hồ sơ giấy, báo cáo thủ công và thao tác trùng lặp; quy trình hội họp, văn thư, lập hồ sơ, nộp lưu và lưu trữ điện tử được chuẩn hoá, quản lý trên hệ thống.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Vận hành hiệu quả các thủ tục hành chính của Đảng trên môi trường điện tử; tiếp tục rà soát, phân loại thủ tục phục vụ tổ chức đảng, đảng viên với quy trình nội bộ, nghiệp vụ đặc thù; ưu tiên chuẩn hoá các thủ tục có tần suất cao, liên quan nhiều cơ quan, có thể liên thông, tái sử dụng dữ liệu từ các cơ sở dữ liệu của Đảng và cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành.

---

[5] Gồm: Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng tạm thời; Thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức; Thủ tục thu, nộp đảng phí; Thủ tục lấy ý kiến nhận xét của chi uỷ, chi bộ nơi cư trú đối với đảng viên đang công tác.

- Cắt giảm tối thiểu 30% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thực hiện nguyên tắc không yêu cầu cung cấp lại thông tin, giấy tờ, dữ liệu đã có trên các hệ thống.

- Kiểm soát chặt chẽ việc quy định mới thủ tục, thành phần hồ sơ, chế độ báo cáo, khâu xin ý kiến ngay từ khi xây dựng văn bản; không tự đặt thêm thành phần hồ sơ, báo cáo, khâu xác nhận ngoài quy định. Thực hiện thống nhất giá trị của hồ sơ điện tử hợp lệ theo Quy định số 338-QĐ/TW, ngày 09/7/2025; thủ tục đã thực hiện trên môi trường điện tử thì không yêu cầu nộp thêm bản giấy, nhập lại dữ liệu.

- Thiết lập kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị có đầu mối xử lý, thời hạn trả lời; sử dụng dữ liệu, nhật ký hệ thống để theo dõi xuyên suốt, cảnh báo hồ sơ quá hạn hoặc có dấu hiệu bất thường.

- Tái cấu trúc thực chất thủ tục hành chính, quy trình nội bộ trên nền dữ liệu dùng chung; đánh giá sự cần thiết của từng thành phần hồ sơ, bước xử lý trước khi số hoá; thiết kế lại quy trình theo hướng giảm giấy tờ, thời gian, chi phí, tiếp xúc không cần thiết; ưu tiên số hoá hồ sơ cán bộ, đảng viên, hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo và dữ liệu thiết yếu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- Thường xuyên rà soát, công khai danh mục thủ tục hành chính của Đảng; thực hiện phương án đơn giản hoá theo lộ trình được phê duyệt.

6. Xây dựng nền hành chính số

a) Mục tiêu

Xây dựng môi trường làm việc số thống nhất, liên thông, an toàn trên cơ sở Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng, phù hợp với Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số; bảo đảm liên thông giữa các cơ quan đảng với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở; lấy dữ liệu làm nền tảng quản trị, nền tảng số dùng chung làm phương thức vận hành, trí tuệ nhân tạo làm công cụ hỗ trợ; dữ liệu bảo đảm "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung". Cụ thể:

- Năm 2026:

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan đảng, kể cả cấp xã, được trang bị đầy đủ thiết bị đầu cuối, hạ tầng kỹ thuật và điều kiện bảo mật phục vụ công tác.

+ Tối thiểu 98% dữ liệu tổ chức đảng, đảng viên được chuẩn hoá, làm sạch, đối soát và đồng bộ.

- Đến hết năm 2027:

+ 100% quy trình nghiệp vụ cốt lõi của các cơ quan đảng được chuẩn hoá.

+ 100% cơ quan đảng cấp xã bảo đảm hạ tầng số tối thiểu theo quy định (thiết bị, đường truyền, định danh, chữ ký số, họp trực tuyến...), ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn đặc biệt khó khăn.

+ Tối thiểu 40% báo cáo định kỳ được tạo lập, tổng hợp dữ liệu trên các hệ thống thông tin.

+ Tối thiểu 90% văn bản không mật tại các cơ quan đảng các cấp được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử (tiếp nhận, xử lý, trình ký, ban hành, lập hồ sơ) theo lộ trình và điều kiện bảo đảm; không xử lý song song bản giấy đối với quy trình đã điện tử hoá.

+ Tối thiểu 80% văn bản mật, tối mật tại các cơ quan đảng ở Trung ương, cấp tỉnh được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử, tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng và cơ yếu.

- Đến hết năm 2028:

+ Tối thiểu 70% báo cáo định kỳ được tạo lập, tổng hợp dữ liệu trên các hệ thống thông tin.

+ 100% văn bản không mật tại các cơ quan đảng các cấp được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử.

+ Tối thiểu 80% văn bản mật, tối mật tại các cơ quan đảng ở cấp xã được xử lý toàn trình trên môi trường điện tử.

- Đến hết năm 2029:

+ 100% nền tảng, hệ thống, ứng dụng số được kết nối, chia sẻ dữ liệu theo phân quyền, tuân thủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu trong các cơ quan đảng.

+ 95% văn bản mật, tối mật được gửi, nhận trên nền tảng giữa các cơ quan đảng các cấp với các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Đến năm 2030:

+ 100% báo cáo định kỳ được tạo lập, tổng hợp dữ liệu trên các hệ thống thông tin.

+ Dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung được quản trị thống nhất, bảo đảm chất lượng và khả năng tái sử dụng; nền tảng số dùng chung và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

vận hành ổn định, liên thông, an toàn, có khả năng giám sát, truy vết; hệ thống hoạt động liên tục khi thay đổi tổ chức, nhân sự hoặc nhà cung cấp.

- **Thường xuyên:** 100% hệ thống thông tin được xác định cấp độ, thẩm định, phê duyệt phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trước khi đưa vào vận hành và được kiểm tra, đánh giá định kỳ; áp dụng định danh, xác thực tập trung đối với người sử dụng đủ điều kiện; đánh giá ứng dụng trí tuệ nhân tạo theo mức độ sử dụng thực tế, chất lượng, thời gian tiết kiệm và mức độ an toàn.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Ban hành quy chế quản trị dữ liệu; hoàn thiện danh mục dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung; xác định chủ sở hữu, đầu mối, trách nhiệm: Cơ quan nghiệp vụ chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; đầu mối kỹ thuật chịu trách nhiệm về vận hành, kết nối, bảo vệ. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải đúng phân quyền, đúng mục đích, phù hợp với mức độ mật.

- Triển khai thống nhất hạ tầng số, nền tảng, ứng dụng số dùng chung phù hợp với Khung Kiến trúc số của các cơ quan đảng.

- Hoàn thiện dữ liệu dùng chung về tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ, biên chế, vị trí việc làm, văn bản, quy định của Đảng, Nhà nước; bảo đảm thống nhất từ Trung ương đến cơ sở và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo quy định.

- Xác định tiêu chuẩn hạ tầng số tối thiểu và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết cho cấp xã.

- Thiết lập công cụ giám sát chất lượng dữ liệu; thống kê việc xin ý kiến cấp trên đối với những vấn đề đã phân cấp; xây dựng hệ thống báo cáo số, bảng điều khiển, công cụ phân tích, cảnh báo sớm, từng bước hỗ trợ dự báo.

- Kiên quyết khắc phục tình trạng cát cứ dữ liệu, đầu tư manh mún, thiếu kết nối. Trước khi đầu tư, nâng cấp hoặc thuê dịch vụ công nghệ thông tin phải đánh giá khả năng sử dụng nền tảng, hệ thống hiện có và mức độ phù hợp với kiến trúc số; không đầu tư hệ thống có chức năng trùng lặp.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát trong tham mưu, điều hành; ưu tiên hỗ trợ cán bộ cấp xã trong tổng hợp, phân tích dữ liệu, cảnh báo sớm, giải đáp chính sách, hướng dẫn thủ tục. Trước khi đưa vào sử dụng phải xác định rõ mục đích, cơ quan chịu trách nhiệm, nguồn dữ liệu, mức độ rủi ro, biện pháp giám sát của con người và chỉ số đánh giá; con người chịu trách nhiệm quyết định cuối cùng, không sử dụng kết quả do trí tuệ nhân tạo tạo ra làm căn cứ duy nhất để ban hành quyết định ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hoặc trách nhiệm của tổ chức, cá nhân.

- Xây dựng phương án sao lưu, phục hồi, xử lý sự cố và bảo đảm tiếp tục giải quyết công việc khi hệ thống gián đoạn; kiểm tra điều kiện an toàn trước từng đợt mở rộng. Hoàn thiện quy định về tạo lập, quản lý, lưu trữ, bảo đảm tính toàn vẹn, xác thực, truy xuất và sử dụng hồ sơ, tài liệu điện tử, nhật ký hệ thống trong giải quyết thủ tục, kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật.

7. Đổi mới quản lý tài chính, tài sản của Đảng

a) Mục tiêu

Đổi mới quản lý tài chính, tài sản và phân bổ nguồn lực theo hướng số hoá, tiết kiệm, hiệu quả, công khai nội bộ ở mức phù hợp, gắn với kết quả đầu ra; ưu tiên nguồn lực cho cấp cơ sở. Cụ thể:

- Đến hết năm 2027: 100% cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đảng được quản lý, theo dõi, số hoá hồ sơ và báo cáo trên môi trường điện tử; triển khai đồng bộ phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp và phần mềm quản lý tài sản tại Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng các tỉnh uỷ, thành uỷ, văn phòng đảng uỷ xã, phường, đặc khu và các đơn vị dự toán trực thuộc.

- Đến hết năm 2028:

+ Tối thiểu 95% tài sản thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đảng được quản lý, theo dõi, số hoá hồ sơ và báo cáo trên môi trường điện tử.

+ Vận hành cơ sở dữ liệu tài chính, tài sản của Đảng theo thời gian thực.

- Đến năm 2030: Kết quả tiết kiệm và hiệu quả sử dụng tài chính, tài sản, đầu tư được đo lường, kiểm chứng; xây dựng kế hoạch tài chính, vận hành sau năm 2030.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Chuẩn hoá, số hoá quy trình lập, phân bổ, điều hành, thanh quyết toán kinh phí; chuẩn hoá hồ sơ, biểu mẫu và dữ liệu tài chính, tài sản.

- Theo dõi, đo lường việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; xử lý dứt điểm nhà, đất, trụ sở, tài sản công dôi dư sau sắp xếp theo nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng pháp luật, không để lãng phí, thất thoát.

- Ưu tiên bố trí kinh phí bảo đảm cơ sở vật chất, hạ tầng số, phần mềm chuyên ngành cho cơ quan đảng cấp xã, phân bổ theo mức độ thiếu hụt của từng địa bàn, không cào bằng.

- Kết nối, khai thác dữ liệu tài chính, tài sản và báo cáo quản trị từ các hệ thống hiện có.

8. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; đổi mới công tác kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả

a) Mục tiêu

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm giải trình theo nguyên tắc "quyền hạn giao đến đâu, trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm soát tới đó"; đổi mới phương pháp kiểm tra, giám sát, chuyển trọng tâm sang phòng ngừa, cảnh báo vi phạm; chuyển từ thụ động sang chủ động, giám sát thường xuyên, giám sát trên dữ liệu; tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, lợi ích cục bộ; phòng ngừa, ngăn chặn mọi biểu hiện cục bộ, trục lợi, hướng lái chính sách. Tiếp tục thực hiện Kết luận số 43-KL/TW[6], bảo đảm đồng bộ với Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 07/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Cụ thể:

- Đến hết năm 2027:

+ Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng gắn với kiểm soát quyền lực.

+ Hoàn thành rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định, quy trình, hướng dẫn về kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phù hợp với mô hình tổ chức mới và yêu cầu thực hiện trên môi trường số.

- Đến hết năm 2029: Tối thiểu 90% kiến nghị sau kiểm tra, giám sát được khắc phục đúng hạn; quy trình kiểm tra, giám sát được chuẩn hoá và thực hiện trên môi trường số.

- Đến năm 2030: Tiếp tục đổi mới phương pháp, quy trình, ứng dụng chuyển đổi số trong công tác kiểm tra, mở rộng giám sát, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

- Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng; nâng cao năng lực uỷ ban kiểm tra các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra bản lĩnh, liêm chính, chuyên nghiệp, có năng lực khai thác, phân tích dữ liệu.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát dựa trên mức độ rủi ro và dữ liệu cảnh báo; kết hợp kiểm tra, giám sát trực tiếp trên hệ thống; lưu vết quá trình xử lý công việc; từng bước kết nối dữ liệu kiểm tra, giám sát của Đảng với thanh tra, kiểm toán, tư pháp của Nhà nước theo quy định; phát huy giám sát,

---

[6] Kết luận số 43-KL/TW, ngày 04/6/2026 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Kết luận số 34-KL/TW, ngày 18/4/2022 của Bộ Chính trị về Chiến lược công tác kiểm tra, giám sát của Đảng đến năm 2030.

phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân.

- Kết quả cải cách hành chính, chuyển đổi số là căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị và để đánh giá, quy hoạch, bố trí, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ; người đứng đầu chịu trách nhiệm toàn diện về hiệu quả vận hành của bộ máy thuộc phạm vi quản lý; xử lý tình trạng trì trệ, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

- Kịp thời khen thưởng, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo; xem xét trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân triển khai hình thức, chậm tiến độ hoặc không đạt yêu cầu.

IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan chủ trì; phân công phối hợp rõ thẩm quyền, trách nhiệm, bảo đảm Chương trình được triển khai đồng bộ, thống nhất theo lộ trình và mục tiêu đề ra.

2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan đảng.

3. Bố trí đủ cán bộ có năng lực làm công tác cải cách hành chính; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tham mưu cải cách hành chính của các cấp uỷ, tổ chức đảng; ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính cho các nhiệm vụ cải cách hành chính.

4. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ đi đôi với chính sách đãi ngộ, động viên cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; có cơ chế loại bỏ người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật.

5. Đẩy mạnh tuyên truyền để cán bộ, công chức và xã hội nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành chủ trương cải cách hành chính của Đảng; tăng cường giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, người dân đối với hoạt động của các cơ quan đảng; chủ động đấu tranh với thông tin xấu, độc, xuyên tạc về cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy trên không gian mạng.

V- KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị.

2. Hằng năm, kinh phí thực hiện Chương trình được bố trí trong dự toán chi thường xuyên, chi đầu tư theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước,

đầu tư công và quy định của Đảng về tài chính đảng, bảo đảm cả triển khai ban đầu và vận hành, bảo trì, hỗ trợ người dùng; ưu tiên khai thác hạ tầng, nền tảng dùng chung; lồng ghép với kinh phí Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng và các chương trình, đề án, dự án liên quan; không bố trí trùng lặp cho cùng một nội dung, sản phẩm, kể cả phần việc đã được ngân sách bảo đảm cho Trung tâm dữ liệu quốc gia hoặc chương trình, đề án khác.

VI- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo)

a) Ban Chỉ đạo chỉ đạo thống nhất thực hiện Chương trình.

b) Kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là vướng mắc liên cơ quan; định kỳ xem xét các nhiệm vụ chậm tiến độ; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Văn phòng Trung ương Đảng - Cơ quan Thường trực Chương trình

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ban Chỉ đạo các giải pháp thúc đẩy triển khai Chương trình; giúp Ban Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan liên quan; theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện, kịp thời tham mưu Ban Chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp, cung cấp thông tin phục vụ triển khai Chương trình.

b) Chủ trì triển khai các nội dung cải cách thủ tục hành chính trong Đảng, xây dựng nền hành chính số; đổi mới quản lý tài chính, tài sản của Đảng; đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp việc triển khai nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hoàn thiện thể chế.

c) Chủ trì xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình, kèm theo phụ lục phân công nhiệm vụ (nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm, thời hạn hoàn thành, nguồn lực, chỉ số đánh giá), trình Ban Chỉ đạo ban hành (hoàn thành năm 2026).

Nhiệm vụ được công nhận hoàn thành căn cứ vào sản phẩm, yêu cầu, tiến độ được giao và tài liệu, dữ liệu kiểm chứng. Đối với nhiệm vụ xây dựng văn bản, sản phẩm phải được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; đối với nhiệm vụ xây dựng hệ thống thông tin, nền tảng, ứng dụng số, phải được đưa vào vận hành thực tế, có người sử dụng, kết quả đo lường được và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

d) Trong năm 2026, chủ trì xây dựng Bộ chỉ số cải cách hành chính trong các cơ quan đảng, ưu tiên khai thác dữ liệu sẵn có, hạn chế phát sinh chế độ báo cáo cho cơ sở. Trong quý I/2027, xác lập số liệu kỳ gốc cho các chỉ tiêu của Chương trình; công bố phương pháp tính, nguồn dữ liệu, phạm vi, điều kiện áp dụng và đầu mối kiểm chứng từng chỉ tiêu; đối với chỉ tiêu giảm hội nghị, văn bản hằng năm, quy định rõ năm bắt đầu tính và kỳ so sánh lần đầu trong Hướng dẫn thực hiện Chương trình; hằng năm rà soát, bổ sung chỉ tiêu, chỉ số; định kỳ tổ chức đánh giá và công bố kết quả.

đ) Chủ trì hướng dẫn thống kê, rà soát, phân loại, định danh, số hoá văn bản, quy định, quy chế, quy trình của các cơ quan đảng; theo dõi, tổng hợp kết quả rà soát, báo cáo Ban Bí thư.

e) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng, thực hiện kế hoạch.

g) Hằng năm, tổ chức tập huấn cho cán bộ làm công tác cải cách hành chính của các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương.

h) Tổ chức kiểm tra, đánh giá; hướng dẫn nhân rộng mô hình, cách làm hiệu quả; đề xuất xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ, không bảo đảm chất lượng.

i) Tổ chức sơ kết Chương trình trong năm 2028; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình trong năm 2030.

3. Các cơ quan đảng ở Trung ương

a) Ban Tổ chức Trung ương

- Chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp các nội dung cải cách tổ chức bộ máy; đổi mới quản lý, đánh giá cán bộ, công chức và nâng cao năng lực số.

- Chủ trì các nội dung về phân cấp, phân quyền, biên chế, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, quản lý và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan đảng; xác định yêu cầu đối với tiêu chí về năng lực số gắn với vị trí việc làm.

b) Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chủ trì triển khai, theo dõi, tổng hợp nội dung tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đổi mới công tác kiểm tra, giám sát; theo dõi việc khắc phục kiến nghị sau kiểm tra, giám sát theo chức năng, thẩm quyền.

c) Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì hướng dẫn tuyên truyền, quán triệt Chương trình; tuyên truyền mô hình, cách làm hiệu quả; nắm bắt tư tưởng, dư luận xã hội, kịp thời định hướng thông tin về những vấn đề phát sinh.

d) Ban Nội chính Trung ương chủ trì các nội dung về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và kiểm soát rủi ro thuộc phạm vi Chương trình.

đ) Đảng uỷ Công an Trung ương, Quân uỷ Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ bảo đảm an ninh mạng, bảo mật cơ yếu cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng.

e) Đảng uỷ Dân vận, Mặt trận và các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, phản biện xã hội, phản ánh chất lượng phục vụ của các cơ quan đảng, nhất là ở cấp xã; tổng hợp ý kiến người dân, doanh nghiệp phục vụ đánh giá kết quả cải cách hành chính.

g) Các cơ quan đảng ở Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả theo chế độ thống nhất; thống kê, rà soát, xử lý, định danh, số hoá văn bản do cơ quan mình ban hành hoặc chủ trì tham mưu ban hành theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng; cung cấp dữ liệu phục vụ kiểm tra, giám sát, kiểm toán đúng thời hạn, đầy đủ, an toàn, bảo mật.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tiễn; xác định thứ tự ưu tiên, tiến độ, đầu mối, sản phẩm, nguồn lực và chỉ số đánh giá; gắn với kế hoạch cải cách hành chính nhà nước và chuyển đổi số của địa phương, ngành.

b) Chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc thống kê, rà soát, xử lý, định danh, số hoá văn bản theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng; cập nhật đầy đủ vào cơ sở dữ liệu dùng chung.

c) Lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trong dự toán ngân sách hằng năm.

d) Phân công lãnh đạo phụ trách; nắm tình hình, hỗ trợ cơ sở, xử lý vướng mắc; tổ chức kiểm tra, đánh giá; chủ động quyết định cách thức thực hiện trong phạm vi thẩm quyền và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả.